

Bản án số: 261/2019/DS-PT

Ngày 27 tháng 6 năm 2019

“V/v tranh chấp chia thừa kế tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Thành

Ông Võ Văn Khoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tiểu Hồng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 367/2018/TLPT-DS ngày 17 tháng 10 năm 2018 về “*Tranh chấp chia thừa kế tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2018/DS-ST ngày 16/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh S bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1066/2019/QĐ-PT ngày 31 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Ong Hồng N (Tên gọi khác: T1), sinh năm 1961 – Có mặt;

Trú 4/92B, Rạch Ông Bôn, Khóm 7, Phường 5, thành phố B, tỉnh B;

1.2. Bà Ong Hồng T2 (Tên gọi khác: S), sinh năm 1963 – Có mặt;

Trú 2628, Khóm 7, Phường 1, thị xã V, tỉnh S;

1.3. Bà Ong Hồng L (Tên gọi khác: H1), sinh năm 1965 – Có mặt;

Trú 166C Mé Sông, Khóm 2, Phường 1, thị xã V, tỉnh S;

2. Bị đơn: Bà Ong Hồng T, sinh năm 1970 – Có mặt;

Trú 35 Trần Hưng Đạo, Khóm 4, Phường 1, thị xã V, tỉnh S;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Bạch Sỹ Chắt – Đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng – Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Ong Hồng T3, sinh năm 1947 – Vắng mặt;

Trú 101/2A Phạm Đình Hồ, Phường 6, Quận 6, Thành phố H.

3.2. Bà Ong Hồng Q (Tên gọi khác: T4), sinh năm 1960 – Vắng mặt;

Trú 690/15/5 Nguyễn Duy, Phường 12, Quận 8, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của Ong Hồng T3 và Ong Hồng Q (T4): Nguyên đơn bà Ong Hồng N.

3.3. Bà Ong Hồng Q1, sinh năm 1959 – Vắng mặt;

Trú 5225, Landis Street, San Diego, California 92105, Hoa Kỳ.

Người đại diện hợp pháp của Ong Hồng Q1: Bà Ong Hồng L (nguyên đơn) – Có mặt.

3.4. Bà Ong Hồng C, sinh năm 1951 – Vắng mặt;

Trú 92/2 ấp Giồng Nhãn, xã Hiệp Thành, thành phố B, tỉnh B.

3.5. Ông Ong Hồng P, sinh năm 1973 – Vắng mặt;

3.6. Ông Tô Chương L1, sinh năm 1963 – Có mặt;

3.7. Chị Tô Thảo N, sinh năm 1996 – Vắng mặt;

3.8. Cháu Tô Tấn T5, sinh năm 2002 (*Người đại diện theo pháp luật: Bị đơn bà Ong Hồng T và ông Tô Chương L1*) – Có mặt;

Cùng trú 35 Trần Hưng Đạo, Khóm 4, Phường 1, thị xã V, tỉnh Sóc T.

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Ong Hồng N và Ong Hồng L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/11/2016 và lời khai tiếp theo, nguyên đơn Ong Hồng N, Ong Hồng T2 và Ong Hồng L trình bày:

Cụ Ong H và Quách Thị L2 có 09 con gồm: Ong Hồng N, Ong Hồng T2, Ong Hồng L, Ong Hồng T, Ong Hồng T3, Ong Hồng Q (T4), Ong Hồng Q1, Ong Hồng C và Ong Hồng P.

Cụ Ong H chết ngày 28/6/2001, cụ Quách Thị L2 chết ngày 11/3/2012. Cả hai cụ đều không có di chúc.

Tài sản của cụ H và cụ L2 để lại gồm 01 căn nhà và thửa đất số 04, tờ bản đồ số 73, diện tích 213,6 m² tọa lạc tại số 35 Trần Hưng Đạo, Khóm 4, Phường 1, thị xã V, tỉnh S (Từ đây về sau tạm gọi tắt là nhà đất số 35 Trần Hưng Đạo) hiện do Ong Hồng T đang ở. Khi anh em trong nhà họp để phân chia di sản của cha mẹ để lại thì Ong Hồng T không đồng ý nên các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế 50% di sản của cụ H cho 09 thừa kế và chia theo pháp luật đối với 50% di sản của cụ L2.

Tại các văn bản ngày 09/12/2016, ngày 15/12/2016, ngày 21/3/2017 và các lời khai tiếp theo, bị đơn bà Ong Hồng T trình bày:

Về cha mẹ, các con của cha mẹ, thời điểm cha mẹ chết như các nguyên đơn trình bày là đúng.

Đất tại số 35 Trần Hưng Đạo là của cha mẹ tạo lập, còn căn nhà của cha mẹ xây trên đất từ năm 1970, quá trình sử dụng hư hỏng sửa chữa nhiều lần, cho đến năm 2016 thì vợ chồng bà xây mới lại như hiện nay nên không đồng ý chia nhà.

Ngày 27/7/2007, cụ L2 có Giấy ưng thuận cho bà 50% giá trị đất nên bà không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của các nguyên đơn đối với phần cụ L2 đã cho, còn đối với 50% giá trị đất của cụ H thì bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản ngày 19/12/2017 và các lời khai tiếp theo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ong Hồng C và Ong Hồng P trình bày:

Về cha mẹ, các con của cha mẹ, thời điểm cha mẹ chết như các nguyên đơn trình bày là đúng.

Đất tại số 35 Trần Hưng Đạo là do cha mẹ tạo lập. Còn căn nhà trên đất có 02 phần: Phần nhà trước là do cha mẹ để lại; phần nhà sau (từ cầu thang lên lầu trở ra sau) là của vợ chồng bà T xây mới.

Cha mẹ chết không có di chúc. Ông bà không biết gì về Giấy ưng thuận ngày 27/7/2007 vì lúc cụ L2 còn sống cũng không nghe nói đến giấy này.

Trường hợp Tòa án chia thừa kế cho ông, bà thì ông bà tặng lại cho bà T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2018/DSST ngày 16/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh S đã quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 227, điểm a khoản 1 Điều 470, các điều 147, 153, 165, 228, 235, 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 609, 613, 621, 649, 650, điểm a khoản 1 Điều 651, khoản 1 Điều 623 và khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 (trương ứng các điều 631, 635, 643, 652, 658, 674, 675, điểm a khoản 1 Điều 676 Bộ luật dân sự năm 2005); Điều 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 và khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Ong Hồng N, Ong Hồng T2, Ong Hồng L về việc yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Ong H cho các ông, bà Ong Hồng T3, Ong Hồng C, Ong Hồng Q1, Ong Hồng Q (T4), Ông Hồng N, Ong Hồng T2, Ong Hồng L, Ong Hồng T và Ong Hồng P.

1.1. Công nhận căn nhà trước (01 trệt 01 lầu) gắn liền với quyền sử dụng đất đo đạc thực tế diện tích là 207,405 m² (lộ giới 17,07 m²), thửa số 04, tờ bản đồ số 73, tọa lạc tại số 35 Trần Hưng Đạo, Khóm 4, Phường 1, thị xã V, tỉnh S là tài sản chung của cụ Ong H và Quách Thị L2 khi còn sống và hiện tại là di sản của cụ Ong H, Quách Thị L2 mỗi cụ để lại tương ứng 50% khối di sản chung, giá trị tương ứng số tiền 466.895.800 đồng.

1.2. Chia di sản của cụ Ong H cho các ông, bà Ong Hồng T3, Ong Hồng C, Ong Hồng Q1, Ong Hồng Q (T4), Ông Hồng N, Ong Hồng T2, Ong Hồng L, Ong Hồng T và Ong Hồng P mỗi người được hưởng một kỷ phần thừa kế trị giá tương đương số tiền 51.877.300 đồng. Đối với kỷ phần thừa kế của bà Ong Hồng C và ông Ong Hồng P được thừa hưởng giao cho bà Ong Hồng T được nhận và sở hữu, nên bà Ong Hồng T được thừa hưởng ba kỷ phần thừa kế trị giá tương đương số tiền 155.631.900 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Ong Hồng N, Ong Hồng T2, Ong Hồng L về việc yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Quách Thị L2 theo pháp luật.

3. Giao cho bị đơn bà Ong Hồng T được sở hữu, sử dụng hiện vật di sản bao gồm căn nhà trước (01 trệt 01 lầu) gắn liền với quyền sử dụng đất đo đạc thực tế diện tích là 207,405 m² (lộ giới 17,07 m²), thửa số 04, tờ bản đồ số 73, tọa lạc tại số 35 Trần Hưng Đạo, Khóm 4, Phường 1, thị xã V, tỉnh S. Vị trí và tứ cận thửa đất như sau:

- + Hướng Đông: Giáp đất Ngụ Muối N1, có số đo 48,34 m;
- + Hướng Tây: Giáp đất Trần Sáng H2, có số đo 48,24 m;
- + Hướng Nam: Giáp thửa đất số 63, 64 (Quách Hán T6), có số đo 4,06 m;
- + Hướng Bắc: Giáp đường Trần Hưng Đạo (công thoát nước), có số đo 4,53 m

Bà Ong Hồng T có trách nhiệm hoàn trả giá trị phần tài sản bằng tiền đối với di sản thừa kế của cụ Ong H cho các đồng thừa kế gồm các ông bà: Ong Hồng T3, Ong Hồng Q1, Ong Hồng Q (T4), Ong Hồng N, Ong Hồng T2 và Ong Hồng L mỗi người số tiền 51.877.300 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm; về chi phí ủy thác tư pháp; về chi phí đo đạc, định giá; về trách nhiệm do chậm thi hành án; về nghĩa vụ thi hành án và dành quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/7/2018, các nguyên đơn bà Ong Hồng N và Ong Hồng L có đơn kháng cáo yêu cầu được nhận nhà đất để làm nơi thờ cúng và sẽ hoàn trả cho bà Ong Hồng T giá trị nhà đất theo kết quả định giá là 1.340.118.138 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Tất cả các bên đương sự thỏa thuận tổng giá trị di sản của cha mẹ là cụ Ong H và Quách Thị L2 để lại là 1.800.000.000 đồng, chia đều cho 9 anh chị em, mỗi kỹ phần thừa kế có giá trị 200.000.000 đồng. Giao cho bà Ong Hồng T quản lý, sử dụng và sở hữu toàn bộ di sản thừa kế của cụ Ong H và Quách Thị L2 gồm căn nhà và quyền sử dụng đất tại số 35 Trần Hưng Đạo, Khóm 4, Phường 4, thị xã V, tỉnh S. Bà Ong Hồng T có trách nhiệm hoàn trả kỹ phần thừa kế cho các ông bà: Ong Hồng T3, Ong Hồng Q1, Ong Hồng Q (T4), Ong Hồng N, Ong Hồng T2 và Ong Hồng L mỗi người số tiền 200.000.000 đồng. Đối với kỹ phần thừa kế của bà Ong Hồng C và ông Ong Hồng P được thừa hưởng giao cho bà Ong Hồng T được nhận và sở hữu, nên bà Ong Hồng T được thừa hưởng ba kỹ phần thừa kế trị giá tương đương 600.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát và luật sư đều đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự như trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bà Ong Hồng N và Ong Hồng L trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận ra bản án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo quy định tại Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Do sửa án sơ thẩm nên án phí dân sự sơ thẩm cũng được xác định lại theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án như sau:

Bà Ong Hồng T phải chịu 28.000.000 đồng $[(400.000.000 \text{ đồng} \times 5\%) + (200.000.000 \text{ đồng} \times 4\%)]$.

Các ông bà: Ong Hồng T3, Ong Hồng Q1, Ong Hồng Q (T4), Ông Hồng N, Ong Hồng T2 và Ong Hồng L mỗi người phải chịu 10.000.000 đồng $(200.000.000 \text{ đồng} \times 5\%)$.

Đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về chi phí ủy thác tư pháp; về chi phí đo đạc, định giá; về trách nhiệm do chậm thi hành án; về nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 8 Điều 26, khoản 7 Điều 27 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

2.1. Xác định tổng giá trị di sản của cụ Ong H và Quách Thị L2 là 1.800.000.000 đồng chia đều cho 09 anh chị em, mỗi kỷ phần thừa kế có giá trị 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*).

2.2. Giao cho bà Ong Hồng T được quyền sở hữu toàn bộ căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất và được quyền sử dụng phần đất đo đạc thực tế diện tích là 207,405 m² (lộ giới 17,07 m²), thửa số 04, tờ bản đồ số 73, tọa lạc tại số 35 Trần Hưng Đạo, Khóm 4, Phường 1, thị xã V, tỉnh Sóc T. (Có sơ đồ hiện trạng đất tranh chấp do Hội đồng định giá lập ngày 09/01/2018 kèm theo – BL 187).

2.3. Buộc bà Ong Hồng T hoàn trả kỷ phần thừa kế cho các ông bà: Ong Hồng T3, Ong Hồng Q1, Ong Hồng Q (T4), Ông Hồng N, Ong Hồng T2 và Ong Hồng L mỗi người 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*)/người.

Ghi nhận bà Ong Hồng C và ông Ong Hồng P tặng kỷ phần thừa kế cho bà Ong Hồng T, nên bà Ong Hồng T được hưởng 600.000.000 đồng (*Sáu trăm triệu đồng*).

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

3.1.1. Bà Ong Hồng T phải nộp 28.000.000 đồng (*Hai mươi tám triệu đồng*).

3.1.2. Các ông bà: Ong Hồng T3, Ong Hồng Q1, Ong Hồng Q (T4), Ông Hồng N, Ong Hồng T2 và Ong Hồng L mỗi người phải nộp 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*)/người.

Bà Ong Hồng N, Ong Hồng T2 và Ong Hồng L được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp mỗi người 2.777.000 đồng theo các biên lai thu số 0005051 (N), 0005052 (T2) và 0005053 (L) cùng ngày 23/11/2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh S. Mỗi bà Ong Hồng N, Ong Hồng T2 và Ong Hồng L còn phải nộp 7.223.000 đồng (*Bảy triệu hai trăm hai mươi ba ngàn đồng*)/người.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Ong Hồng N, Ong Hồng L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Ong Hồng N, Ong Hồng L mỗi bà 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo các phiếu thu số 0004414 (N), số 0004415 (L) cùng ngày 27/7/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh S.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về chi phí ủy thác tư pháp; về chi phí đo đạc, định giá; về trách nhiệm do chậm thi hành án; về nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh S;
- VKSND tỉnh S;
- Cục THADS tỉnh S;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Công

